



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2013)
Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vào ngày 12 tháng 3 năm 2014.

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời thực hiện phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cụ thể như sau:

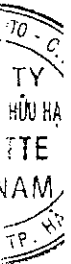
- Ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") - công ty liên kết của Công ty - cùng tổ hợp nhà thầu đã thống nhất nghiệm thu sơ bộ có điều kiện và bàn giao nhà máy để vận hành thương mại kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013. Sự kiện này dẫn đến PVTEX đã kết thúc giai đoạn đầu tư và phải thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, dùng vốn hóa lãi vay... để xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày vận hành thương mại chính thức. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVTEX đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 366 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 387,6 tỷ đồng.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị, ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong") - Công ty liên kết của Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng hóa bất động sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVC Mekong đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 124 tỷ đồng, và lỗ lũy kế là 263 tỷ đồng.

Nguyễn Văn Tuấn và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Số: 1015 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Chúng tôi đã thực hiện bổ sung thêm một số thủ tục kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đã được điều chỉnh cho các sự kiện nêu trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 kèm theo.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán chỉ giới hạn cho các thay đổi của báo cáo tài chính hợp nhất như đã được trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.515.223.312.458	7.203.995.556.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
1. Tiền	111		435.859.691.647	292.521.273.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.596.526.666.667	5.336.854.584.375
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.734.861.214.549	62.077.046.183
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	1.734.861.214.549	62.077.046.183
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.097.665.217	193.727.961.781
1. Phải thu khách hàng	131		105.080.054.904	46.193.553.961
2. Trả trước cho người bán	132		74.278.800.409	99.202.374.921
3. Các khoản phải thu khác	135	8	186.035.877.193	167.629.100.188
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(119.297.067.289)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.340.683.371.984	1.171.461.225.102
1. Hàng tồn kho	141		1.353.397.692.080	1.185.926.007.092
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.714.320.096)	(14.464.781.990)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.194.702.394	147.353.465.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	16.754.134.505	14.612.294.547
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		110.241.258.017	119.646.969.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	20	30.491.537.283	9.707.085.668
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.707.772.589	3.387.116.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		3.290.087.917.426	3.376.516.357.645
I. Tài sản cố định	220		2.368.443.661.712	2.371.391.919.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.257.291.251.123	1.169.727.617.877
- Nguyên giá	222		7.212.931.208.323	6.935.645.827.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.955.639.957.200)	(5.765.918.209.499)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	927.348.585.669	770.897.635.112
- Nguyên giá	228		1.143.916.832.122	965.237.358.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.568.246.453)	(194.339.722.961)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	183.803.824.920	430.766.666.877
II. Bất động sản đầu tư	240	14	284.964.579.592	295.672.318.252
- Nguyên giá	241		314.530.971.192	314.461.627.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(29.566.391.600)	(18.789.309.304)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		540.521.826.075	574.627.123.255
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	463.076.061.761	491.002.055.334
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	77.875.067.921	83.625.067.921
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(429.303.607)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		96.157.850.047	134.824.996.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	66.360.451.576	79.125.106.047
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	28.765.219.071	55.406.634.581
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.032.179.400	293.255.644
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.805.311.229.884	10.580.511.914.577

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.249.172.775.527	1.415.021.259.304
I. Nợ ngắn hạn	310		1.223.123.387.061	1.395.987.574.866
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	65.405.536.332	27.737.630.442
2. Phải trả người bán	312		605.551.019.966	398.388.337.713
3. Người mua trả tiền trước	313		111.417.518.731	212.836.496.895
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	13.565.487.134	123.907.690.077
5. Phải trả người lao động	315		89.584.219.696	75.424.999.435
6. Chi phí phải trả	316	21	160.664.901.010	305.890.305.764
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	63.691.286.159	47.360.732.843
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		327.365.199	488.925.484
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		112.916.052.834	203.952.456.213
II. Nợ dài hạn	330		26.049.388.466	19.033.684.438
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.951.661.602	6.024.588.791
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.053.298.732	8.477.046.183
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	124.227.166
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.525.485.494	4.217.086.359
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		13.518.942.638	190.735.939
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		9.346.015.885.588	8.959.929.478.972
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	9.346.015.885.588	8.959.929.478.972
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	977.787.044
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(85.447.473.262)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(264.120.169)	(70.094.992.992)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.526.156.314.757	2.525.430.471.223
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		962.866.860.541	812.944.724.326
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.014.770.873	765.696.521
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.036.381.182.804	1.975.353.266.112
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	25	210.122.568.769	205.561.176.301
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		10.805.311.229.884	10.580.511.914.577
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2013	31/12/2012
I. Ngoại tệ các loại				
- USD				2.774.200
- EUR				1.429

Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.410.922.862.176	13.433.862.003.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.504.499.333	112.009.948.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	10.363.418.362.843	13.321.852.054.971
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	7.011.191.021.409	8.997.366.453.504
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	3.352.227.341.434	4.324.485.601.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	428.637.014.880	568.346.314.499
7. Chi phí tài chính	22	30	7.733.290.120	7.002.744.862
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.269.463.805	1.548.926.458
8. Chi phí bán hàng	24		634.991.557.491	637.118.953.465
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		551.914.252.488	673.970.690.947
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.586.225.256.215	3.574.739.526.692
11. Thu nhập khác	31		14.919.253.710	16.462.436.717
12. Chi phí khác	32		2.244.332.095	1.455.767.342
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.674.921.615	15.006.669.375
14. (Lỗ) từ công ty liên kết	45	15	(131.083.086.624)	(47.696.642.825)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.467.817.091.206	3.542.049.553.242
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	261.984.915.425	515.146.700.002
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	26.641.415.510	(40.744.576.134)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.179.190.760.271	3.067.647.429.374
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	25	36.861.411.945	50.796.229.783
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.142.329.348.326	3.016.851.199.591
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32		7.990

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.467.817.091.206	3.542.049.553.242
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	249.516.494.079	212.835.006.048
Các khoản dự phòng	03	(1.321.158.287)	114.202.147.382
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(56.237.105)	327.161.230
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(296.237.041.638)	(519.131.152.776)
Chi phí lãi vay	06	3.269.463.805	1.548.926.458
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.422.988.612.060	3.351.831.641.584
Thay đổi các khoản phải thu	09	(54.943.006.374)	160.094.128.802
Thay đổi hàng tồn kho	10	(167.471.684.988)	(15.326.233.936)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.387.734.131	384.175.888.258
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	20.018.216.690	205.939.471.060
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.834.386.165)	(1.548.926.458)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(388.790.598.996)	(493.754.715.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(342.779.557.701)	(311.868.851.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.528.575.328.657	3.279.542.402.141
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(267.562.840.439)	(372.106.404.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	734.591.819	409.663.636
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.830.000.000.000)	(342.382.830.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	157.215.831.634	305.305.783.817
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.137.000.000)	(23.131.710.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.750.000.000	-
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	412.012.280.599	566.529.951.571
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.556.987.136.387)	134.624.454.659
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	273.334.163.652	83.578.719.748
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(241.090.005.213)	(56.569.684.495)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(1.704.650.330.950)	(1.881.929.425.000)
4. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	37	103.808.910.185	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.568.597.262.326)	(1.854.920.389.747)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.597.009.070.056)	1.559.246.467.053
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.629.375.858.166	4.070.456.552.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.570.204	(327.161.230)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166

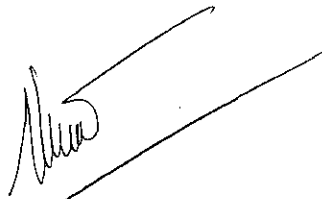
Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Tổng Công ty đã bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, số tiền từ bán cổ phiếu quỹ là 103.808.910.185 đồng (sau khi trừ phí giao dịch) được trình bày trên chỉ tiêu Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ, phần Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.



Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản; Mua bán hàng nông, lâm sản; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và Đào tạo nghề.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81.38	81.38	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có ảnh hưởng đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào hai công ty liên kết của Công ty. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại, chi tiết tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

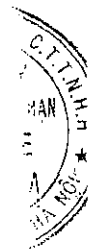
Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc và trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

10 - C
TY
HỮU HẠ
TTE
NAM
TP. HCM

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 không được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA CÁC KHOẢN MỤC THAY ĐỔI**

- Ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") - công ty liên kết của Công ty - cùng tổ hợp nhà thầu đã thống nhất nghiệm thu sơ bộ có điều kiện và bàn giao nhà máy để vận hành thương mại kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013. Sự kiện này dẫn đến PVTEX đã kết thúc giai đoạn đầu tư và phải thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, dùng vốn hóa lãi vay... để xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày vận hành thương mại chính thức. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVTEX đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 366 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 387,6 tỷ đồng.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị, ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong") - Công ty liên kết của Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng hóa bất động sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVC Mekong đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 là 124 tỷ đồng, và lỗ lũy kế là 263 tỷ đồng.

Do các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất nêu trên là các sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 và đã được coi là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh của các công ty liên kết nêu trên, theo đó Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh bổ sung theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty tại phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, đồng thời phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để phản ánh đầy đủ các sự kiện này. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất có sự thay đổi như sau:

	Trình bày tại báo cáo			
	Mã số	tài chính phát hành ngày 12/3/2014	Trình bày lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
(Lỗ) từ công ty liên kết	45	(35.551.458.423)	(131.083.086.624)	95.531.628.201
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.563.348.719.407	2.467.817.091.206	95.531.628.201
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	284.497.564.533	261.984.915.425	22.512.649.108
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.252.209.739.364	2.179.190.760.271	73.018.979.093
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	2.215.348.327.419	2.142.329.348.326	73.018.979.093
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7.978.888.175	30.491.537.283	(22.512.649.108)
Đầu tư vào công ty liên kết	252	474.841.065.065	463.076.061.761	11.765.003.304
Tổng tài sản	270	10.794.563.584.080	10.805.311.229.884	(10.747.645.804)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(84.030.745.066)	(264.120.169)	(83.766.624.897)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.109.400.161.897	2.036.381.182.804	73.018.979.093
Tổng nguồn vốn	440	10.794.563.584.080	10.805.311.229.884	(10.747.645.804)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.563.348.719.407	2.467.817.091.206	95.531.628.201
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(391.768.669.839)	(296.237.041.638)	(95.531.628.201)

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.407.479.185	1.219.544.986
Tiền gửi ngân hàng	434.452.212.462	291.301.728.805
Các khoản tương đương tiền	3.596.526.666.667	5.336.854.584.375
	<u>4.032.386.358.314</u>	<u>5.629.375.858.166</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	1.730.000.000.000	53.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chung Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam)	4.861.214.549	8.477.046.183
	<u>1.734.861.214.549</u>	<u>62.077.046.183</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.567.708.786	48.753.979.736
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Khác	12.324.901.118	8.731.853.163
	<u>186.035.877.193</u>	<u>167.629.100.188</u>

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư quá hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	92.540.186.877	178.255.480.490
Nguyên liệu, vật liệu	493.812.401.373	450.193.732.792
Công cụ, dụng cụ	4.443.958.641	9.459.673.251
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.033.767.857	42.736.222.678
Thành phẩm	229.724.768.898	363.035.130.445
Hàng hóa	490.842.608.434	142.245.767.436
	<u>1.353.397.692.080</u>	<u>1.185.926.007.092</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.714.320.096)	(14.464.781.990)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.340.683.371.984</u>	<u>1.171.461.225.102</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí bảo hiểm tài sản	11.461.045.219	10.792.388.054
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.293.089.286	3.819.906.493
	<u>16.754.134.505</u>	<u>14.612.294.547</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	1.365.596.816.870	5.355.573.536.736	106.054.997.221	108.420.476.549	6.935.645.827.376
Mua trong năm	49.905.861.207	9.150.000.004	18.280.828.000	22.392.081.640	99.728.770.851
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	185.160.386.397	28.527.513.387	-	-	213.687.899.784
Tăng khác	127.000.000	-	-	-	127.000.000
Thanh lý	-	-	(934.447.000)	(68.027.778)	(1.002.474.778)
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	(648.592.007)	(2.398.723.697)	(396.115.569)	(31.812.383.637)	(35.255.814.910)
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.600.141.472.467</u>	<u>5.390.852.326.430</u>	<u>123.005.262.652</u>	<u>98.932.146.774</u>	<u>7.212.931.208.323</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	663.762.997.059	4.979.212.995.570	65.382.568.073	57.559.648.797	5.765.918.209.499
Khấu hao trong năm	78.776.418.407	103.977.484.496	9.297.762.489	24.278.081.906	216.329.747.298
Thanh lý	-	-	(693.973.794)	(68.027.778)	(762.001.572)
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	(278.361.565)	(1.689.805.371)	(304.206.117)	(23.573.624.972)	(25.845.998.025)
Tại ngày 31/12/2013	<u>742.261.053.901</u>	<u>5.081.500.674.695</u>	<u>73.682.150.651</u>	<u>58.196.077.953</u>	<u>5.955.639.957.200</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>857.880.418.566</u>	<u>309.351.651.735</u>	<u>49.323.112.001</u>	<u>40.736.068.821</u>	<u>1.257.291.251.123</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>701.833.819.811</u>	<u>376.360.541.166</u>	<u>40.672.429.148</u>	<u>50.860.827.752</u>	<u>1.169.727.617.877</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.336.498.737.902 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.316.603.642.980 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ... đã được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng vay ngắn, dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 19 và 23).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	738.031.157.677	171.441.137.057	45.429.866.943	10.335.196.396	965.237.358.073
Mua trong năm	44.904.320.085	295.589.119	2.258.543.454	-	47.458.452.658
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	130.953.404.100	-	755.000.000	-	131.708.404.100
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	-	-	(487.382.709)	-	(487.382.709)
Tại ngày 31/12/2013	<u>913.888.881.862</u>	<u>171.736.726.176</u>	<u>47.956.027.688</u>	<u>10.335.196.396</u>	<u>1.143.916.832.122</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	693.082.588	164.046.950.666	19.892.251.592	9.707.438.115	194.339.722.961
Khấu hao trong năm	10.680.695.910	2.464.890.762	9.004.269.875	259.807.938	22.409.664.485
Phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 45	-	-	(181.140.993)	-	(181.140.993)
Tại ngày 31/12/2013	<u>11.373.778.498</u>	<u>166.511.841.428</u>	<u>28.715.380.474</u>	<u>9.967.246.053</u>	<u>216.568.246.453</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>902.515.103.364</u>	<u>5.224.884.748</u>	<u>19.240.647.214</u>	<u>367.950.343</u>	<u>927.348.585.669</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>737.338.075.089</u>	<u>7.394.186.391</u>	<u>25.537.615.351</u>	<u>627.758.281</u>	<u>770.897.635.112</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 172.997.702.521 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 168.932.621.106 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Dự án Amoniac	46.248.899.367	44.003.993.921
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.148.525.618
Kho Tây Ninh	23.573.596.728	23.268.818.182
Kho Đà Nẵng	22.875.662.950	22.875.662.950
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng sản xuất NPK	15.264.114.882	-
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	-	235.149.280.732
Các công trình khác	39.499.480.375	69.320.385.474
	<u>183.803.824.920</u>	<u>430.766.666.877</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	84.498.516.000	229.963.111.556	314.461.627.556
Tăng khác	-	69.343.636	69.343.636
Tại ngày 31/12/2013	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	3.127.851.442	15.661.457.862	18.789.309.304
Khấu hao trong năm	1.482.325.638	9.294.756.658	10.777.082.296
Tại ngày 31/12/2013	4.610.177.080	24.956.214.520	29.566.391.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	79.888.338.920	205.076.240.672	284.964.579.592
Tại ngày 31/12/2012	81.370.664.558	214.301.653.694	295.672.318.252

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	634.137.000.000	599.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(184.928.891.009)	(49.193.259.934)
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*)	13.867.952.770	9.245.301.847
Biến động tài sản thuần không trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	-	(68.049.986.579)
	463.076.061.761	491.002.055.334
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	11.250.837.108	57.670.829.097
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	451.825.224.653	433.331.226.237
	463.076.061.761	491.002.055.334

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	25,00	25,00	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Tổng tài sản	7.915.024.355.348	7.498.251.259.345
Tổng công nợ	6.046.983.353.656	5.527.170.293.453
Tài sản thuần	1.868.041.001.692	1.971.080.965.892
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>463.076.061.761</u>	<u>491.002.055.334</u>
	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần	575.737.275.580	231.226.267.769
(Lỗ) thuần	(490.638.192.635)	(151.017.268.293)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	<u>(131.083.086.624)</u>	<u>(47.696.642.825)</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu	10,27%	57.373.067.921	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	0,00%	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	0,00%	-	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000
		77.875.067.921	83.625.067.921
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<i>Trong đó:</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)		(429.303.607)	-
		(429.303.607)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư		77.445.764.314	83.625.067.921

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PAIC) có dấu hiệu suy giảm giá trị và đã được trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước tiền thuê đất	10.287.631.936	11.002.240.314
Vật tư phụ tùng thay thế	31.202.705.600	46.275.058.387
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.870.114.040	21.847.807.346
	66.360.451.576	79.125.106.047

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi VND	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn VND	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	27.535.816.822	3.870.212.860	21.740.455.129	2.260.149.770	55.406.634.581
Ghi nhận trong năm	(13.767.908.411)	(3.870.212.860)	(10.084.275.451)	1.080.981.212	(26.641.415.510)
Tại ngày 31/12/2013	13.767.908.411	-	11.656.179.678	3.341.130.982	28.765.219.071

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	63.597.620.515	27.737.630.442
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	16.587.977.180	7.737.630.442
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	1.557.998.400	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	24.451.644.935	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	21.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.807.915.817	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Tài chính - PVFC)	1.807.915.817	-
	<u>65.405.536.332</u>	<u>27.737.630.442</u>

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm và lãi suất vay như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay bằng VND	63.597.620.515	27.737.630.442
Vay bằng USD	-	-
	<u>63.597.620.515</u>	<u>27.737.630.442</u>

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay tín chấp	26.009.643.335	20.000.000.000
Vay có đảm bảo bằng tài sản	37.587.977.180	7.737.630.442
	<u>63.597.620.515</u>	<u>27.737.630.442</u>

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay theo lãi suất thả nổi	-	-
Vay theo lãi suất cố định	63.597.620.515	27.737.630.442
	<u>63.597.620.515</u>	<u>27.737.630.442</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	12.186.769	3.598.392.806
Thuế xuất, nhập khẩu	-	639.449.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.922.734.971	114.684.953.982
Thuế thu nhập cá nhân	3.614.144.457	1.634.856.165
Các loại thuế khác	16.420.937	3.350.038.002
	<u>13.565.487.134</u>	<u>123.907.690.077</u>

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp 31/12/2012	Trong năm		Phải nộp 31/12/2013
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.066.163.315	31.362.489.739	34.416.466.285	12.186.769
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	532.229.491	85.392.651.680	85.924.881.171	-
Thuế xuất, nhập khẩu	639.449.122	26.429.455.876	27.068.904.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.400.846.955	261.984.915.425	388.790.598.996	(18.404.836.616)
Thuế thu nhập cá nhân	(1.788.122.476)	58.273.592.702	55.035.291.465	1.450.178.761
Thuế tài nguyên	-	534.204.689	534.204.689	-
Thuế môn bài	-	35.000.000	35.000.000	-
Các loại thuế khác	3.350.038.002	6.831.633.998	10.165.251.063	16.420.937
Tổng cộng	114.200.604.409	470.843.944.109	601.970.598.667	(16.926.050.149)
<i>trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	123.907.690.077			13.565.487.134
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.707.085.668			30.491.537.283
+) Thuế thu nhập cá nhân	3.422.978.641			2.163.965.696
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.284.107.027			28.327.571.587

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2015 (i)	43.421.052.000	151.714.209.145
Chi phí an sinh xã hội (ii)	47.550.892.095	73.570.862.067
Khác	69.692.956.915	80.605.234.552
	<u>160.664.901.010</u>	<u>305.890.305.764</u>

(i) Trong năm 2013, Tổng Công ty đã quyết toán chi phí bảo dưỡng và sửa chữa lớn Nhà máy Đạm Phú Mỹ với số tiền hơn 169 tỷ đồng, và trích thêm 43.421.052.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ cho năm 2015.

(ii) Theo Nghị quyết số 432/NQ-DKVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong năm, Tổng Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 100 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 47.550.892.095 đồng.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả	21.556.282.714	16.502.443.664
Phải trả, phải nộp khác	42.135.003.445	30.858.289.179
	<u>63.691.286.159</u>	<u>47.360.732.843</u>

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.861.214.549	8.477.046.183
	<u>4.861.214.549</u>	<u>8.477.046.183</u>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	1.807.915.817	-
	<u>3.053.298.732</u>	<u>8.477.046.183</u>

Khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ phục vụ đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 25.310.821.434 đồng và được giải ngân nhiều lần. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi áp dụng đối với tổ chức kinh tế bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (loại trả lãi cuối kỳ) cộng (+) 1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 11).

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.807.915.817	-
Trong năm thứ hai	3.053.298.732	8.477.046.183
	<u>4.861.214.549</u>	<u>8.477.046.183</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.807.915.817	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.053.298.732</u>	<u>8.477.046.183</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chiênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD	YND	USD
Số dư tại 01/01/2012	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(83.961.341.647)	(74.411.767.146)	1.420.380.501.371	494.715.910.705	554.153.469	2.668.824.162.711	8.221.079.406.507	3.067.647.429.374	(1.486.131.615)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(1.486.131.615)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	-	-	-	1.109.783.021.689	370.289.286.079	423.251.609	(1.430.495.559.377)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(24.895.749)	(8.298.584)	(3.753.890.870)	(529.683.109)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	4.316.768.312	(4.708.156.088)	(203.409.973)	(35.718.070.796)	(42.690.103.473)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	5.842	(4.708.156.088)	(2.060.472.458)	(35.718.070.796)	(42.690.103.473)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(85.447.473.262)	(70.094.992.992)	2.525.430.471.223	812.944.724.326	765.696.521	1.975.353.266.112	8.959.929.478.972	2.179.190.760.271	(1.486.131.615)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	83.150.649.142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ bán trong năm (1)	-	-	-	21.179.913.858	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	1.437.212.009	151.522.709.608	488.572.680	(153.448.494.297)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	(224.529.279.394)	(224.529.279.394)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.709.704.170.000)	(1.709.704.170.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	69.830.872.823	-	-	-	(2.144.587.421)	(2.144.587.421)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(711.368.475)	(1.600.573.393)	(239.498.328)	(28.336.312.467)	(30.887.752.663)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	9.346.015.885.588	2.179.190.760.271	(1.486.131.615)	-	-	-	-	-	-	-	-

(1) Phản ánh số tiền thu về từ việc bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty.

(2) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên với số tiền tương ứng 1.437.212.009 đồng, 151.522.709.608 đồng, 488.572.680 đồng và 224.529.279.394 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 1.703.754.320.000 đồng, trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 566.331.480.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) trong Quý 3/2012, đợt 2 là 377.554.320.000 đồng trong Quý 4/2012 (1.000 đồng/cổ phần), và đợt 3 (đợt cuối) công bố ngày 18 tháng 6 năm 2013 là 759.868.520.000 (2.000 đồng/cổ phần).

Ngày 30 tháng 10 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2013 với tổng số tiền 949.835.650.000 đồng, tương đương 2.500 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các Công ty con được xác định như sau:

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung VND	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc VND	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ VND	Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam VND
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	42.000.000.000	72.248.000.000
Trong đó:						
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	21.410.000.000	58.796.800.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	20.590.000.000	13.451.200.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	49,02%	18,62%

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	326.512.640.944	316.462.317.586
Tổng nợ phải trả	(116.390.072.175)	(110.901.141.285)
Tài sản thuần	<u>210.122.568.769</u>	<u>205.561.176.301</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	162.791.200.000	162.791.200.000
Các quỹ khác	17.574.758.370	15.023.318.174
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>29.756.610.399</u>	<u>27.746.658.127</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	140.155.072.628	193.655.983.195
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm	36.861.411.945	50.796.229.783

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2013	162.791.200.000	940.194.604	9.234.811.020	4.112.054.342	736.258.208	27.746.658.127	205.561.176.301
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	36.861.411.945	36.861.411.945
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	711.368.475	1.600.573.393	239.498.328	(2.551.440.196)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.936.595.710)	(5.936.595.710)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(26.326.360.194)	(26.326.360.194)
(Giảm) khác	-	-	-	-	-	(37.063.573)	(37.063.573)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<u>162.791.200.000</u>	<u>940.194.604</u>	<u>9.946.179.495</u>	<u>5.712.627.735</u>	<u>975.756.536</u>	<u>29.756.610.399</u>	<u>210.122.568.769</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MÃU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Sản xuất bao bì bao gồm: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Kinh doanh phân bón và hóa chất VND	Sản xuất bao bì và cung cấp dịch vụ khác VND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	11.747.695.124.365	117.108.671.352	109.424.612.749	(1.631.993.240.343)	10.342.235.168.123
Đầu tư vào Công ty liên kết	634.137.000.000	-	-	(171.060.938.239)	463.076.061.761
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	12.381.832.124.365	117.108.671.352	109.424.612.749	(1.803.054.178.582)	10.805.311.229.884
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.380.233.639.185	61.268.579.003	26.246.645.326	(1.218.576.087.987)	1.249.172.775.527
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.380.233.639.185	61.268.579.003	26.246.645.326	(1.218.576.087.987)	1.249.172.775.527

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

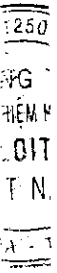
26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2013

	Kinh doanh phân bón và hóa chất VND	Sản xuất bao bì và cung cấp dịch vụ khác VND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.077.507.048.910	187.198.361.313	173.534.955.787	(14.027.317.503.834)	10.410.922.862.176
Các khoản giảm trừ doanh thu	109.893.552.670	-	-	(62.389.053.337)	47.504.499.333
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.967.613.496.240	187.198.361.313	173.534.955.787	(13.964.928.450.497)	10.363.418.362.843
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20.696.719.112.206	153.831.840.738	145.233.380.481	(13.984.593.312.016)	7.011.191.021.409
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.270.894.384.034	33.366.520.575	28.301.575.306	19.664.861.519	3.352.227.341.434
Doanh thu hoạt động tài chính	499.686.616.289	1.029.238.991	2.589.025.247	(74.667.865.647)	428.637.014.880
Chi phí tài chính	154.527.958.039	1.492.631.642	-	(148.287.299.561)	7.733.290.120
Chi phí bán hàng	635.545.476.626	4.440.331.897	2.215.033.460	(7.209.284.492)	634.991.557.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	533.636.989.021	17.913.884.105	17.774.052.594	(17.410.673.232)	551.914.252.488
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.446.870.576.637	10.548.911.922	10.901.514.499	117.904.253.157	2.586.225.256.215
Lợi nhuận khác	10.301.423.152	1.521.652.402	788.292.212	63.553.849	12.674.921.615
(Lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	(131.083.086.624)	(131.083.086.624)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.457.171.999.789	12.070.564.324	11.689.806.711	(13.115.279.618)	2.467.817.091.206
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	256.216.364.188	2.299.110.731	3.469.440.506	-	261.984.915.425
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27.722.396.722	-	-	(1.080.981.212)	26.641.415.510
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.173.233.238.879	9.771.453.593	8.220.366.205	(12.034.298.406)	2.179.190.760.271

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia, doanh thu bán hàng tại thị trường Campuchia là khoảng 50 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Năm 2013			
Doanh thu thuần	7.769.884.555.606	2.593.533.807.237	10.363.418.362.843
Giá vốn hàng bán	(4.479.754.137.332)	(2.531.436.884.077)	(7.011.191.021.409)
Trong đó: (Trích lập)/ Hoàn nhập dự phòng	(161.444.387)	1.911.906.281	1.750.461.894
Lợi nhuận gộp	3.290.130.418.274	62.096.923.160	3.352.227.341.434
Năm 2012			
Doanh thu thuần	12.266.371.295.753	1.055.480.759.218	13.321.852.054.971
Giá vốn hàng bán	(7.946.960.435.896)	(1.050.406.017.608)	(8.997.366.453.504)
Trong đó: (Trích lập) dự phòng	(2.378.232.612)	(1.863.689.430)	(4.241.922.042)
Lợi nhuận gộp	4.319.410.859.857	5.074.741.610	4.324.485.601.467

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	7.105.995.304.152	8.276.212.412.521
Doanh thu Ure Cà Mau	522.216.939.091	3.535.949.440.237
Doanh thu điện	1.991.296.831	3.934.678.565
Doanh thu khác	181.752.723.295	562.284.713.016
	7.811.956.263.369	12.378.381.244.339
Chiết khấu thương mại	42.071.707.763	112.009.948.586
	7.769.884.555.606	12.266.371.295.753

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.411.455.860.911	3.435.431.008.397
Chi phí nhân công	447.887.406.792	432.001.285.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.516.494.079	212.835.006.048
Chi phí mua ngoài khác	1.053.681.045.081	1.089.868.917.039
Chi phí bằng tiền khác	153.238.029.011	351.694.809.540
	5.315.778.835.874	5.521.831.026.642

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	421.692.807.649	562.452.007.455
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.133.202.000	4.128.043.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.693.536.938	-
Khác	117.468.293	1.766.263.644
	428.637.014.880	568.346.314.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	3.269.463.805	1.548.926.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.034.522.708	4.966.604.584
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	429.303.607	-
Khác	-	487.213.820
	<u>7.733.290.120</u>	<u>7.002.744.862</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	256.561.351.045	482.588.578.713
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bỏ sung	5.423.564.380	47.008.541.958
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	-	(14.450.420.669)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>261.984.915.425</u>	<u>515.146.700.002</u>

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2013 là năm thứ 6 Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 10 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.142.329.348.326	3.016.851.199.591
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	379.587.933	377.555.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.644</u>	<u>7.990</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	13.472.300.184	11.674.082.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	41.286.818.880	36.810.578.339
Sau năm năm	69.544.238.329	76.660.432.816
	<u>124.303.357.393</u>	<u>125.145.094.131</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Công ty mẹ đã ký thêm phụ lục hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.800 USD/tháng.
- Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng diện tích thuê là 623 m² với số tiền thuê là 11.001 USD/tháng.
- Ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ ký Hợp đồng thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1.65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày thuê.
- Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn năm năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

34. CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam, giá mua khí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6,69 USD/MMBTU (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,56 USD/MMBTU).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	68.458.835.064	36.214.676.625
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
Nợ thuần	(3.963.927.523.250)	(5.593.161.181.541)
Vốn chủ sở hữu	9.346.015.885.588	8.959.929.478.972
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu (*)	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bằng 0 đồng do Tổng Công ty chủ yếu hoạt động bằng vốn chủ sở hữu.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.818.864.808	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	77.445.764.314	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	1.074.179.400	359.886.496
Tổng cộng	<u>6.017.586.381.385</u>	<u>5.869.963.445.626</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	68.458.835.064	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	668.495.853.812	443.807.357.430
Chi phí phải trả	160.664.901.010	305.890.305.764
Tổng cộng	<u>897.619.589.886</u>	<u>785.912.339.819</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

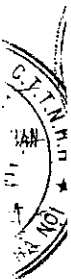
	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	121.915.416.471	301.172.880	135.424.559.029	64.381.819.563
Euro (EUR)	51.641.681.399	-	52.505.301.977	6.940.940.363

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	270.182.851	1.281.612.934
Euro (EUR)	17.272.412	138.818.807



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 429.303.607 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu với số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Trên 1 năm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	-	4.032.386.358.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.818.864.808	-	171.818.864.808
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	-	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn khác	-	77.445.764.314	77.445.764.314
Tài sản tài chính khác	42.000.000	1.032.179.400	1.074.179.400
Tổng cộng	5.939.108.437.671	78.477.943.714	6.017.586.381.385
31/12/2013			
Các khoản vay	65.405.536.332	3.053.298.732	68.458.835.064
Phải trả người bán và phải trả khác	668.495.853.812	-	668.495.853.812
Chi phí phải trả	160.664.901.010	-	160.664.901.010
Tổng cộng	894.566.291.154	3.053.298.732	897.619.589.886
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.044.542.146.517	75.424.644.982	5.119.966.791.499
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.629.375.858.166	-	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.525.586.860	-	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	62.077.046.183	-	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	-	83.625.067.921	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	66.630.852	293.255.644	359.886.496
Tổng cộng	5.786.045.122.061	83.918.323.565	5.869.963.445.626
31/12/2012			
Các khoản vay	27.737.630.442	8.477.046.183	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	443.807.357.430	-	443.807.357.430
Chi phí phải trả	305.890.305.764	-	305.890.305.764
Tổng cộng	777.435.293.636	8.477.046.183	785.912.339.819
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.008.609.828.425	75.441.277.382	5.084.051.105.807

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	Công ty liên doanh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Đồng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2013</u> <u>VND</u>	<u>2012</u> <u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.086.913.797.776	1.214.420.050.375
<i>Cổ tức trả Tập đoàn</i>	1.049.419.138.500	1.166.021.265.000
<i>Phí Quản lý nộp Tập đoàn</i>	37.494.659.276	48.398.785.375
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	199.921.344.519	409.405.971.213
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	62.791.699.995	112.688.034.930
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	6.361.904.762	137.787.125.631
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	71.009.436.905	13.730.053.549
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	19.520.214.800	94.726.476
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	14.497.214.286	20.981.904.763
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	19.770.303.213	1.457.972.313
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	3.697.918.690	6.512.293.829
	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng hoá và dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	2.788.210.950.691	2.693.346.460.631
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	469.994.146.315	1.350.160.602.745
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	52.771.424.059	2.547.521.956
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	44.494.944.824	3.792.920.781
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	113.543.371.316	28.827.043.945
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.983.744.700	9.653.025.001
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	3.891.587.441	101.231.043.027
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	-	1.940.297.422.598
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	5.566.759.700	115.226.579.044

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	281.533.038.085	260.220.695.802
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	17.077.966.511	28.263.134.703
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	19.172.400.000	-
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc